

Bản án số: 379/2022/DS-PT

Ngày: 15-9-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Lan Anh**

Các thẩm phán: **Ông Vũ Viết Văn**

**Ông Mai Tiến Dũng**

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà **Đinh Thị Thu Hương** - Thẩm tra viên Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà **Hoàng Vĩnh Thảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 285/2021/TLPT-DS ngày 14/7/2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 08/01/2021 của Tòa án nhân dân quận BD9, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 233/2022/QĐ-PT ngày 16/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông **HH1**, sinh năm 1954; *Có mặt.*

Nơi ĐKKHKT: Số 464 tổ 19, phường LT2, quận ĐĐ3, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện tại: Nhà số 2, tổ 41, khu tập thể CĐN4, Khu đô thị mới ĐC5, phường ĐC5, quận HM6, thành phố Hà Nội.

*Bị đơn:* Anh **VVN7**, sinh năm 1977; *Có mặt.*

Nơi ĐKKHKT: 2Đ, Đường 15, phường PX8, quận BD9, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: P1409, Tòa nhà NO3-T5 Khu đô thị NGĐ10, phường XT11, quận BTL12, thành phố Hà Nội.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh N7:* Luật sư **LQG13**, Công ty Luật TNHH Apollo, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: P501, Tòa nhà 85 NCT14, phường LH15, quận ĐĐ3, thành phố Hà Nội. *Có mặt.*

*Do có kháng cáo của bị đơn là anh VVN7.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo Đơn khởi kiện, các bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa, nguyên đơn ông HH1 trình bày:***

Ngày 21/3/2012, ông có cho anh VVN7 vay số tiền là 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng. Anh N7 viết giấy vay tiền và hẹn 08 tháng sau, tức đến ngày 21/11/2012 sẽ hoàn trả lại toàn bộ số tiền trên cho ông. Ngày 21/03/2012, ông đã giao cho anh N7 số tiền là 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu) đồng, anh N7 đã ký nhận.

Đến ngày 02/4/2012, ông tiếp tục giao cho anh N7 số tiền là 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, anh N7 đã ký nhận đủ số tiền trên.

Ngày 23/4/2012, anh N7 vay tiếp ông số tiền là 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng.

Ngày 14/5/2012, anh N7 vay thêm số tiền là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Như vậy tổng số tiền anh N7 vay của ông là 4.000.000.000 (bốn tỷ) đồng.

Ngày 01/7/2015, anh N7 làm giấy cam kết trong đó ghi nhận số tiền còn nợ của ông là 3.139.790.000 đồng (Ba tỷ, một trăm ba mươi chín triệu, bảy trăm chín mươi ngàn đồng) và lãi suất thỏa thuận là 1%/ tháng. Trong giấy cam kết, anh N7 đề ra kế hoạch trả toàn bộ số nợ trong năm 2015 và 2016 nhưng anh N7 không trả số tiền đã vay theo cam kết.

Đến hết tháng 04/2018, anh N7 còn nợ ông số tiền gốc là 3.271.973.677 (Ba tỷ, hai trăm bảy mươi một triệu, chín trăm bảy mươi ba nghìn, sáu trăm bảy mươi bảy) đồng.

Khi ông cho anh N7 vay tiền, có anh NVM16 làm chứng. Anh M16 là bạn của anh N7 và là người bảo lãnh bằng uy tín để ông cho anh N7 vay tiền. Rất nhiều lần ông tìm gặp anh M16 nhưng anh M16 tránh mặt, sau đó chuyển nhà đi đâu thì ông không rõ.

Nay ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại cấp sơ thẩm anh VVN7 không có mặt trong quá trình giải quyết và không có lời khai.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 08/01/2021 của Tòa án nhân dân quận BD9, thành phố Hà Nội đã xử:*

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông HH1 đối với ông VVN7.

**2.** Buộc ông VVN7 phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông HH1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/11/2020 là : 4.266.242.825 (Bốn tỷ, hai trăm sáu mươi sáu triệu, hai trăm bốn mươi hai nghìn, tám trăm hai lăm) đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 3.239.577.898 (Ba tỷ, hai trăm ba mươi chín triệu, năm trăm bảy mươi bảy nghìn, tám trăm chín mươi tám) đồng.

- Nợ lãi tính đến 30/4/2018: 32.295.779 (Ba mươi hai triệu hai trăm chín

mười lăm ngàn bảy trăm bảy mươi chín) đồng

- Nợ lãi tạm tính đến ngày 30/11/2020 là: 1.004.269.148 (Một tỷ không trăm lẻ bốn triệu hai trăm sáu mươi chín ngàn một trăm bốn mươi tám) đồng

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, anh VVN7 là bị đơn trong vụ án kháng cáo. Theo đơn kháng cáo đề ngày 10/3/2021 và đơn kháng cáo quá hạn đề ngày 22/3/2021 của bị đơn là anh VVN7: kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 08/01/2021 của Tòa án nhân dân quận BD9. Ngày 28/4/2021, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội ra Quyết định số 170/2021/QĐ-PT chấp nhận việc kháng cáo quá hạn của anh N7.

Những vấn đề cụ thể trong đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: đề nghị xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 08/01/2021 của Tòa án nhân dân quận BD9 đảm bảo quyền lợi cho anh N7. Kèm theo đơn kháng cáo, anh N7 nộp bổ sung thêm các tài liệu, chứng cứ sau:

1. Bản án sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 08/01/2021 của Tòa án nhân dân quận BD9 (bản phô tô);
2. Đơn xin xác nhận tạm trú (bản sao);
3. Giấy xác nhận tạm trú của Công an phường XT11 (bản sao);
4. Phiếu xác minh hộ khẩu nhân khẩu (bản sao);
5. Hộ khẩu, CMTND mang tên VVN7 (bản sao);
6. Giấy tờ trả nợ và Giấy vay tiền (bản phô tô).

***Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm:*** Phía bị đơn xuất trình các tài liệu chứng cứ là những bản phô tô kê chi tiết những lần anh N7 ký xác nhận nợ và trả lãi cho ông HH1 và có bản tự khai kèm theo có nội dung như sau:

Từ ngày 21/3/2012 đến ngày 14/5/2012, anh có vay của ông HH1 số tiền 4 tỷ đồng. Từ ngày 01/9/2012 đến ngày 09/5/2018 tiền nợ giữa anh đã trả cho ông H1 4.952.750.334 đồng. Tại buổi làm việc ngày 03/11/2021 tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, ông H1 đã thừa nhận 13/14 lần anh trả tiền, xác nhận anh đã trả 2.952.758.334 đồng sau khi đối chiếu với giấy tờ gốc ông H1 đang giữ. Đối với khoản tiền 2 tỷ đồng anh đã trả vào ngày 16/10/2014, anh cho rằng ông H1 cố tình giấu tài liệu gốc đi, nhưng bằng cách tính đối chiếu so sánh dưới đây, chứng minh anh đã trả khoản tiền 2 tỷ đồng vào ngày 16/10/2014 và tổng số tiền anh đã trả cho ông H1 là 4.952.750.334 đồng. So với số tiền anh đã vay thì ông H1 còn phải hoàn trả lại cho anh số tiền 888.732.546 đồng. Cụ thể như sau:

***1. Cách tính của ông HH1 (người làm chứng NVM16)***

Khoản tiền ông H1 khởi kiện đòi anh là 3.271.973.677 đồng, đây là yêu cầu trái pháp luật bởi khoản tiền này được tính theo cách gộp tiền gốc cộng tiền lãi, lãi

chồng lãi qua từng tháng. Số tiền gốc anh đã trả vào không được trừ đi mà vẫn cộng dồn tính lãi. Cách tính này được thể hiện dưới bảng kê dưới đây, số liệu trong bảng do ông H1 cung cấp trong hồ sơ vụ án.

TT	Từ ngày – tháng	Đến ngày - tháng	Dư nợ gốc phải trả	Lãi suất (tháng)	Tiền lãi (VNĐ)	Tổng tiền nợ (Gốc + lãi – tiền trả nếu có)
1	14/3/2012	01/9/2012	4.000.000.000	2.5%	226.000.000	4.226.000.000
<b>(1) Đã trả 01/9/2012</b>		<b>226.000.000</b>				
2	1/9/2012	14/9/2012		2.5%		4.050.000.000
3	14/9/2012	01/10/2012	4.050.000.000	2.5%	101.250.000	4.151.250.000
4	01/10/2012	01/11/2012	4.151.250.000	2.5%	103.781.250	4.225.031.250
5	01/11/2012	01/12/2012	4.225.031.250	2.5%	106.357.781	4.361.407.031
6	01/12/2012	01/01/2013	4.361.407.031	2.5%	109.305.176	4.470.442.207
7	01/2/2013	01/3/2013	4.470.442.207	2.5%	114.555.081	4.696.758.343
<b>(2) Đã trả 14/3/2013</b>		<b>296.758.343</b>				<b>4.400.000.000</b>
8	14/3/2013	14/4/2013	4.400.000.000	2.5%	110.000.000	4.510.000.000
9	14/4/2013	03/5/2013	4.510.000.000	2.5%	71.000.000	4.581.000.000
<b>(3) Đã trả 03/5/2013</b>		<b>300.000.000</b>				<b>4.281.000.000</b>
10	03/5/2013	03/6/2013	4.281.000.000	2.5%	107.025.000	4.388.025.000
11	03/6/2013	01/7/2013	4.388.025.000	2.5%	102.387.250	4.490.412.250
<b>(4) Đã trả 01/7/2013</b>		<b>515.000.000</b>				<b>3.975.412.250</b>
12	01/7/2013	03/7/2013	3.975.412.250	2.5%	6.625.687	3.982.037.937
<b>(5) Đã trả 01/7/2013</b>		<b>185.000.000</b>				<b>3.797.037.937</b>
13	03/7/2013	14/9/2019	3.982.037.937	2.5%	126.567.931	3.923.605.363
<b>(6) Đã trả 14/9/2013</b>		<b>190.000.000</b>				<b>3.733.605.868</b>
14	14/9/2013	20/11/2011	3.733.605.868	2.5%	205.348.322	3.938.594.190
<b>(7) Đã trả 20/11/2013</b>		<b>180.000.000</b>				<b>3.758.954.190</b>
15	20/11/2013	20/02/2014	3.758.954.190	2.5%	281.921.564	4.040.875.754
16	20/02/2014	07/4/2014	4.040.875.754	2.5%	158.267.633	4.199.143.387
17	08/4/2014	31/5/2014	4.199.143.387	2.5%	188.961.452	4.388.104.839
18	01/6/2014	01/7/2014	4.388.104.839	2.5%	109.720.620	4.497.807.560
19	01/7/2014	30/9/2014	4.497.807.560	2.5%	224.890.878	4.722.697.938
20	30/9/2014	16/10/2014	4.722.697.938	2.5%	62.696.305	4.785.667. 243
<b>(8) Đã trả 16/10/2014</b>		<b>2.000.000.000</b>				<b>2.785.667.000</b>
21	16/10/2014	01/01/2015	2.785.667.000	2.5%	171.782.790	2.957.449.790
22	01/01/2015	01/04/2015	2.957.449.790	2.5%	219.344.192	3.176.790.000
23	01/04/2015	30/6/2015	3.176.790.000	1%	63.000.000	3.239.790.000
<b>(9) Đã trả 29/6/2015</b>		<b>100.000.000</b>				<b>3.139.790.000</b>

TT	Từ ngày – tháng	Đến ngày - tháng	Dư nợ gốc phải trả	Lãi suất (tháng)	Tiền lãi (VNĐ)	Tổng tiền nợ (Gốc + lãi – tiền trả nếu có)
24	01/7/2015	31/8/2015	3.139.790.000	1%	62.759.800	
<b>(10) Đã trả 31/8/2015</b>		<b>130.000.000</b>				<b>3.072.549.800</b>
25	01/9/2015	23/11/2015	3.072.549.800	1%	92.176.494	3.164.726.294
<b>(11) Đã trả 23/11/2015</b>		<b>500.000.000</b>				<b>2.664.726.294</b>
26	23/11/2015	21/01/2016	2.664.726.294	1%	53.294.000	2.717.994.000
27	21/01/2016	21/02/2016	2.717.994.000	1%	27.180.000	2.745.174.000
28	21/02/2016	21/03/2016	2.745.174.000	1,01		2.772.625.774
29	21/3/2016	21/4/2016	2.772.625.774	1,01		2.800.351.997
30	21/4/2016	21/5/2016	2.800.351.997	1,01		2.828.355.517
31	21/5/2016	21/6/2016	2.828.355.517	1,01		2.856.639.073
32	21/6/2016	21/7/2016	2.856.639.073	1,01		2.885.205.463
33	21/7/2016	21/8/2016	2.885.205.463	1,01		2.914.057.518
34	21/8/2016	21/9/2016	2.914.057.518	1,01		2.943.198.092
35	21/9/2016	21/10/2016	2.943.198.092	1,01		3.002.356.372
36	21/10/2016	09/11/2016	3.002.356.372	1.01	18.014.138	3.020.370.510
<b>(12) Đã trả 09/11/2016</b>		<b>250.000.000</b>				<b>2.770.370.510</b>
37	09/11/2016	31/12/2016	2.770.370.510	1%	48.019.755	2.818.390.265
38	01/1/2017	31/01/2017	2.818.390.265	1%	28.182.902	2.846.574.167
39	01/02/2017	28/02/2017	2.846.574.167	1%	28.465.741	2.875.039.508
40	01/03/2017	31/03/2017	2.875.039.508	1,01		2.903.790.307
41	01/4/2017	30/4/2017	2.903.790.307	1,01		2.932.828.210
42	01/5/2017	31/5/2017	2.932.828.210	1,01		2.962.156.492
<b>43</b>	<b>01/6/2017</b>	<b>30/6/2017</b>	2.962.156.492	<b>1,01</b>		<b>2.991.778.056</b>
44	01/7/2017	31/7/2017	2.991.778.056	1%	29.971.781	3.021.69.837
<b>(13) Đã trả 29/7/2017</b>		<b>30.000.000</b>				<b>2.991.695.837</b>
46	01/8/2017	31/8/2017	2.991.695.837	1%	29.916.958	3.021.612.795
47	01/9/2017	30/9/2017	3.021.612.795	1%	30.216.128	3.051.828.923
48	01/10/2017	31/10/2017	3.051.828.923	1%	30.518.289	3.082.347.684
49	01/11/2017	30/11/2017	3.082.347.684	1%	30.823.472	3.113.170.684
50	01/12/2017	31/12/2017	3.113.170.684	1%	31.131.707	3.144.302.391
51	01/01/2018	31/01/2018	3.144.302.391	1%	31.757.454	3.207.502.869
52	01/02/2018	28/02/2018	3.207.502.869	1%	31.757.454	3.207.502.869
53	01/03/2018	31/03/2018	3.207.502.869	1%	32.075.029	3.239.577.898
54	01/4/2018	30/4/2018	3.239.577.898	1%	32.395.779	3.271.973.677

## 2. Cách tính của anh VVN7 theo thỏa thuận vay và quy định BLDS năm 2005

### 2.1. Thỏa thuận vay

Ngày vay	Số tiền vay	Hạn trả	Lãi suất thỏa thuận	Lãi trong hạn BLDS 2005	Lãi quá hạn	Nghĩa vụ bên vay
21/3/2012	2.500.000.000	21/11/2012	Không lãi			K1 Điều 478, k1 Điều 474
02/4/2012	500.000.000	21/12/2012	2.5%/tháng (30%/năm)	13.5%/năm	9%/năm	Khoản 2 Điều 478, khoản 4 Điều 474
23/4/2012	8.000.000.000	Không kỳ hạn	Không lãi			Khoản 1 Điều 477
14/5/2012	200.000.000	Không kỳ hạn	Không lãi			
Từ ngày 01/4/2015 thỏa thuận áp lãi 1%/tháng tương đương 12%/năm						

### 2.2. Tiến độ thanh toán khoản vay

TT	Từ ngày- tháng	Đến ngày – tháng	Dư nợ gốc phải trả (VNĐ)	Lãi suất		Tổng Tiền lãi	Tổng tiền nợ (VNĐ)
				Trong hạn (năm)	Quá hạn (năm)		
1	14/3/2012	01/9/2012	2.500.000.000				2.500.000.000
			500.000.000	13.5%		28.120.000	528.120.000
			1.000.000.000				1.000.000.000
(1) Đã trả 01/9/2012			226.000.000				3.802.120.000
2	1/9/2012	14/9/2012	2.500.000.000				2.500.000.000
			302.120.000	13.5%	9%	30.332.848	332.452.848
			1.000.000.000				1.000.000.000
(2) Đã trả 14/3/2013			296.758.334				3.535.694.514
3	14/9/2013	03/5/2013	2.5000.000.000				2.500.000.000
			35.694.514	13.5%	9%	420.478	36.114.992
			1.000.000.000				1.000.000.000
(3) Đã trả 03/5/2013			300.000.000				3.236.114.992
4	03/5/2013	01/7/2013	2.235.914.990				2.235.914.990
			1.000.000.000				1.000.000.000
(4) Đã trả 01/7/2013			515.000.000				2.720.914.990
5	01/7/2013	03/7/2013	1.720.914.990				1.720.914.990
			1.000.000.000				1.000.000.000

TT	Từ ngày- tháng	Đến ngày – tháng	Dư nợ gốc phải trả (VNĐ)	Lãi suất		Tổng Tiền lãi	Tổng tiền nợ (VNĐ)
				Trong hạn (năm)	Quá hạn (năm)		
(5) Đã trả 03/7/2013		185.000.000					2.535.091.490
6	03/7/2013	14/9/2013	1.535.091.490				1.535.091.490
			1.000.000.000				1.000.000.000
(6) Đã trả 14/9/2013		190.000.000					2.345.091.490
7	14/9/013	20/11/2013	1.345.091.490				1.345.091.490
			1.000.000.000				1.000.000.000
(7) Đã trả 20/11/2013		180.000.000					2.165.091.490
8	20/11/2013	16/10/2014	1.165.091.490				1.165.091.490
			1.000.000.000				1.000.000.000
(8) Đã trả 16/10/2014		2.000.000.000					165.091.490
9	16/10/2014	01/4/2015	165.091.490				165.091.490
10	01/4/2015	19/6/2015	165.091.490	12%		4.347.409	169.438.899
(9) Đã trả 19/6/2015		100.000.000					69.438.899
11	19/6/2015	31/8/2015	69.438.899	12%		1.828.555	71.267.454
(10) Đã trả 31/8/2015		130.000.000					Nợ: 0 Dư: 58.732.546
12	31/8/2015	23/11/2015	0				
(11) Đã trả 23/11/2015		500.000.000					Nợ: 0 Dư:558.732.546
13	23/11/2015	09/11/2016	0				
(12) Đã trả 09/11/2016		250.000.000					Nợ 0: Dư:808.732.546
14	09/11/2017	27/9/2017	0				
(13) Đã trả 27/9/2017		30.000.000					Nợ: 0 Dư:838.732.546
15	27/9/2017	09/5/2018	0				
(14)Đã trả 09/5/2018		50.000.000					Nợ: 0 Dư: 888.732.546

**3. So sánh cách tính khoản tiền vay của ông HH1, người làm chứng NVM16 và cách tính bên vay anh VVN7 theo thỏa thuận, Bộ luật Dân sự năm 2005**

<b>Cách tính của ông HH1, có người làm chứng NVM16</b>	<b>Cách tính anh VVN7 theo thỏa thuận vay và theo quy định pháp luật</b>
1. Ngày 01/9/2012: trả 226.000.000đ, còn nợ: 4.000.000.000đ	1. Ngày 01/9/2012: trả 226.000.000đ, còn nợ: 3.802.120.000đ
2. Ngày 14/3/2013: trả 296.758.334đ, còn nợ: 4.400.000.000đ	2. Ngày 14/3/2013: trả 296.758.334đ, còn nợ: 3.535.694.514đ
3. Ngày 03/5/2013: trả 300.000.000đ, còn nợ: 4.281.000.000đ	3. Ngày 03/5/2013: trả 300.000.000đ, còn nợ: 3.235.914.990đ
4. Ngày 01/7/2013: trả 515.000.000đ, còn nợ: 3.975.412.250đ	4. Ngày 01/7/2013: trả 515.000.000đ, còn nợ: 2.720.914.990đ
5. Ngày 03/7/2013: trả 185.000.000đ, còn nợ: 3.707.037.937đ	5. Ngày 03/7/2013: trả 185.000.000đ, còn nợ: 2.535.091.490đ
6. Ngày 14/9/2013: trả 190.000.000đ, còn nợ: 3.733.605.860đ	6. Ngày 14/9/2013: trả 190.000.000đ, còn nợ: 2.345.091.490đ
7. Ngày 20/11/2013: trả 180.000.000đ, còn nợ: 3.758.954.190đ	7. Ngày 20/11/2013: trả 180.000.000đ, còn nợ: 2.165.091.490đ
<b>8. Ngày 16/10/2014: trả 2.000.000.000đ, còn nợ: 2.785.667.000.000đ</b>	<b>8. Ngày 16/10/2014: trả 2.000.000.000đ, còn nợ: 165.091.490đ</b>
9. Ngày 29/6/2015: trả 100.000.000đ, còn nợ: 3.139.790.000đ	9. Ngày 29/6/2015: trả 100.000.000đ, còn nợ: 69.438.899đ
10. Ngày 31/8/2015: trả 130.000.000đ, còn nợ: 3.072.549.800đ	10. Ngày 31/8/2015: trả 130.000.000đ, còn nợ: 0; dư: 58.732.546đ
11. Ngày 23/11/2015: trả 500.000.000đ, còn nợ: 2.664.726.294đ	11. Ngày 23/11/2015: trả 500.000.000đ, còn nợ: 0, dư: 558.732.546đ
12. Ngày 09/11/2016: trả 250.000.000đ Nợ: 2.770.370.510đ	12. Ngày 09/11/2016: trả 250.000.000đ Nợ: 0; dư: 808.732đ
13. Ngày 29/7/2017: trả 30.000.000đ, còn nợ: 2.991.695.837đ	13. Ngày 29/7/2017: trả 30.000.000đ, còn nợ: 0, dư: 838.732.546đ
14. Ngày 09/5/2018: trả 50.000.000đ	14. Ngày 09/5/2018: trả 50.000.000đ, còn nợ: 888.732.546đ

Theo Biên bản làm việc ngày 03/11/2021 tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã đối chiếu với các giấy tờ gốc ông Hoàng cung cấp và ông H1 cũng thừa nhận các khoản trả của anh, duy chỉ có khoản tiền 2.000.000.000 đồng trả vào ngày 16/10/2014 chưa làm rõ được (do ông H1 không đưa tài liệu gốc đã trả ra để đối chiếu). Tuy nhiên, căn cứ cách tính của ông HH1 (*lãi chồng lãi theo các giấy viết tay*) để ra được số tiền nợ tính từ ngày 21/3/2012 đến ngày 30/6/2017: **2.991.778.036 đồng** tại Giấy đề nghị thanh toán tiền vay (BL98) là đã trừ đi số tiền 2.000.000.000 đồng trả ngày 16/10/2014. Điều đó chứng minh anh đã trả khoản



tiền 2 tỷ vào ngày 16/10/2014. Tại biên bản ngày 03/11/2021 ông H1 phủ nhận anh đã trả khoản tiền này: “Tôi xác nhận anh N7 chưa trả, tôi yêu cầu anh N7 trả cho tôi 2 tỷ và tiền lãi từ thời điểm vay (2012) đến nay” dù thực tế anh đã trả, đây là hành vi gian dối, vi phạm pháp luật.

Mặt khác, giấy đề nghị thanh toán tiền vay (BL98) có chữ ký của anh NVM16 (người làm chứng) chỉ có ý nghĩa làm chứng cho việc anh có vay tiền ông H1 và ông H1 đã gửi giấy đề nghị cho anh vào ngày 10/6/2017, còn số tiền nợ là số liệu được tính toán từ trước, theo cách tính lãi chồng lãi (như tại mục 1) của ông H1. Đối chiếu thỏa thuận vay, quy định BLDS năm 2005 thì cách tính của ông H1 là trái pháp luật. Thực tế, đến ngày 09/5/2018, anh đã thanh toán cho ông H1 toàn bộ tiền gốc và lãi của số tiền 4 tỷ đồng vay năm 2012 và trả thừa số tiền 888.732.546 đồng.

Từ những nội dung nêu trên, anh N7 đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ các quy định pháp luật, quá trình vay tiền từ đó sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của ông HH1 để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của anh.

Ngày 03/11/2021 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội triệu tập các đương sự để làm rõ một số vấn đề liên quan đến vụ án, tại buổi làm việc này các đương sự xác nhận về số tiền vay, thời điểm vay; ông HH1 đã xuất trình bản gốc của những tài liệu mà anh N7 xuất trình để đối chiếu. Sau khi đối chiếu hai tài liệu trên, ông H1 và anh N7 đã xác nhận 13/14 lần ông Ninh thanh toán tiền nhưng duy nhất khoản thanh toán số tiền 2.000.000.000 đồng vào ngày 16/10/2014 ông H1 không thừa nhận. Ông H1 đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh VVN7 phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông theo giấy vay nợ ngày 21/3/2012; theo cam kết vay nợ ngày 01/7/2015; theo cam kết ngày 01/4/2018 và tính lãi 1% của số nợ 3.271.973.677 từ 30/4/2018 đến nay. Yêu cầu làm rõ số tiền 500.000.000 đồng anh N7 trả vào ngày 23/11/2015 và số tiền 296.758.334 đồng trả vào ngày 14/3/2013

Tại phiên tòa phúc thẩm, trong phần hỏi khi Chủ tọa phiên tòa yêu cầu nguyên đơn lý giải tại sao ngày 30/9/2014 anh N7 còn nợ ông H1 4.722.697.938 đồng nhưng đến ngày 16/10/2014 lại ghi anh N7 còn nợ ông H1 2.785.667.000 đồng thì nguyên đơn ông HH1 đã xuất trình bản gốc liên quan đến việc thanh toán 2.000.000.000 đồng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn xuất trình Chứng từ giao dịch chuyển số tiền 500.000.000 đồng cho ông H1 vào ngày 23/11/2015 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh khu vực Cát Bà – Bắc Hải Phòng.

Bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày luận cứ khẳng định đã thanh toán đầy đủ tiền gốc và lãi cho ông H1: Tính đến ngày 09/5/2018 anh N7 khẳng định đã trả cho ông H1 số tiền 4.952.758.334 đồng tất cả những lần anh N7 thanh toán và chốt nợ đều có ghi chép trên giấy tờ, ông H1 giữ bản gốc. Ngày 01/7/2015 ông H1 gây sức ép yêu cầu anh phải thanh toán số tiền

3.139.790.000 đồng và buộc anh phải ký vào giấy cam kết do ông H1 đánh máy sẵn. Đến ngày 01/4/2018 ông H1 tiếp tục đe dọa khủng bố tinh thần ép anh phải viết bản kế hoạch trả nợ theo nội dung ông H1 đọc. Anh N7 cam đoan lời trình bày của anh là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời trình bày của mình. Do đó, anh N7 không chấp nhận trả lãi của số tiền các bên không thỏa thuận về lãi suất, đề nghị Hội đồng xét xử tính lại lãi suất theo quy định của pháp luật và bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, bị đơn không yêu cầu ông H1 trả lại số tiền thừa sau khi tính lãi theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng anh NVM16 trình bày tại Bản tự khai ngày 22/11/2021 xác nhận có việc anh N7 vay ông H1 số tiền 4.000.000.000 đồng nhưng thực tế anh N7 chỉ cầm về 3.800.000.000 đồng. Từ ngày 01/9/2012 đến ngày 09/5/2018, anh N7 đã trả tiền vay ông H1 tổng số tiền 4.952.758.334 đồng. Tất cả các lần ông Ninh thanh toán có ghi giấy nhưng ông H1 giữ bản gốc. Mỗi lần anh N7 trả tiền, ông H1 có chốt lại công nợ nhưng công nợ được ông H1 tính không đúng với thỏa thuận thể hiện ở giấy vay tiền. Dẫn đến việc anh N7 có trả nợ nhưng số nợ không hết và ngày một tăng. Ngày 01/7/2015, ông H1 gây sức ép yêu cầu anh N7 phải thanh toán số tiền 3.139.790.000 đồng buộc anh N7 phải ký vào giấy cam kết do ông H1 đánh máy sẵn. Đến ngày 01/4/2018, ông H1 tiếp tục đe dọa, “khủng bố” tinh thần ép anh N7 phải viết bản kế hoạch trả nợ theo nội dung ông H1 đọc.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H1 cũng khai rằng mỗi lần tính toán để trả tiền cho ông thì anh N7, anh M16 tự tính toán và ông xác nhận việc đó.

Các đương sự không thỏa thuận được cách giải quyết vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ kiện, đại diện VKSND thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/DS-ST ngày 08/01/2021 của Tòa án nhân dân quận BD9, thành phố Hà Nội như sau: Tính lại toàn bộ lãi suất của khoản vay theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Bị đơn anh VVN7 nộp đơn kháng cáo quá hạn do lỗi khách quan. Tại quyết định số 170/2021/QĐ-PT của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã chấp nhận kháng cáo quá hạn của anh N7, anh N7 đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm trong thời hạn quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Tại phiên tòa, các đương sự có mặt theo quy định pháp luật.

**[2] Về nội dung:**

Xét yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án của anh VVN7, Hội đồng xét xử xét thấy:

*2.1 Về khoản vay gốc giữa ông HH1 và anh VVN7:* Ông H1, anh N7 đều xác nhận và trình bày:

Ngày 21/03/2012, anh N7 viết giấy vay 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng và hẹn 08 tháng sau, tức đến ngày 21/11/2012 sẽ hoàn trả lại toàn bộ số tiền trên cho ông H1.

Ngày 21/03/2020, ông H1 đã giao cho anh N7 số tiền là 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu) đồng, anh N7 đã ký nhận số tiền trên.

Đến ngày 02/4/2012, ông H1 tiếp tục giao cho anh N7 số tiền là 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, lãi suất 2.5%/ tháng anh N7 đã ký nhận đủ số tiền trên.

Ngày 23/4/2012, anh N7 vay tiếp ông H1 số tiền là 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng.

Ngày 14/5/2012, anh N7 vay thêm số tiền là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Như vậy tổng số tiền anh Ninh vay của ông H1 là 4.000.000.000 (bốn tỷ) đồng.

Ngoài số tiền gốc 4.000.000.000 (bốn tỷ) đồng ra anh N7 không còn vay số tiền nào khác của ông H1.

Việc ký hợp đồng vay tài sản hai bên là tự nguyện không ai bị ép buộc phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

*2.2 Về lãi suất:*

Trong hợp đồng vay tài sản mặc dù các bên chỉ thỏa thuận bằng văn bản lãi 2.5%/tháng đối với khoản vay 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, nhưng trên thực tế các bên đã tính lãi 2.5%/tháng trên số nợ 4.000.000.000 (bốn tỷ) đồng đến thời điểm 01/4/2015;

Ngày 01/7/2015, sau khi các bên đối chiếu công nợ anh N7 tiếp tục làm giấy cam kết tính đến thời điểm này anh N7 ghi nhận số tiền còn nợ ông H1 là 3.139.790.000 đồng (Ba tỷ, một trăm ba mươi chín triệu, bảy trăm chín mươi ngàn đồng) lãi suất 1%/tháng, hạn trả nợ năm 2015 là 1.539.790.000 đồng, năm 2016: trả 1.600.000.000 đồng. Đến ngày 01/4/2018 anh N7 lại tiếp tục viết cam kết theo cam kết này thì khoản tiền còn lại là 3.271.973.677 anh N7 phải có nghĩa vụ trả nợ bắt đầu từ 01/5/2018 đến ngày 01/9/2021 phải trả hết số tiền này nếu không trả được phải chịu và tính lãi 1% của số nợ nêu trên.

Như vậy, hợp đồng vay tài sản giữa ông H1 và anh N7 là hợp đồng vay có

lãi; có thời hạn.

### *2.3. Về số tiền các bên đã thanh toán cho nhau:*

Phía bị đơn trình bày tính đến ngày 09/5/2018 anh N7 đã trả cho ông H1 số tiền 4.952.758.334 đồng (anh N7 xuất trình bản photo liên quan đến 14 lần trả nợ). Ngày 03/11/2021 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội triệu tập các đương sự làm việc, tại buổi làm việc này ông H1 đã xuất trình 13 bản gốc những giấy tờ liên quan đến 14 khoản thanh toán trên và đối chiếu các khoản thanh toán. Sau khi đối chiếu thì ông HH1 chỉ chấp nhận anh N7 mới trả được cho ông H1 số tiền 2.952.758.334 đồng, riêng số tiền 2.000.000.000 đồng tại bản photo mà anh N7 kê đã trả cho ông vào ngày 16/10/2014 ông H1 không chấp nhận, ông H1 không xuất trình bản gốc để đối chiếu liên quan đến số tiền này.

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, tài liệu có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy: anh N7 chỉ vay ông H1 số tiền gốc 4.000.000.000 đồng theo giấy vay tiền đề ngày 21/3/2012. Sau đó các bên tính lãi 2.5%/tháng trên số tiền gốc. Anh N7 trả được khoản nào thì trừ đi còn lại cộng cả nợ gốc cả lãi chưa trả. Như vậy, theo cách tính của ông HH1 (*lãi chồng lãi theo các giấy viết tay*) đề ra được số tiền nợ tính từ ngày 21/3/2012 đến ngày 30/6/2017 là: 2.991.778.036 đồng.

*Xét về khoản tiền 2.000.000.000 đồng mà ông H1 không xác nhận anh N7 đã trả vào ngày 16/10/2014:*

Căn cứ, tài liệu có trong hồ sơ và vào lời khai các đương sự tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông H1 xác nhận ngày 30/9/2014 anh N7 còn nợ ông H1 4.785.667.000 đồng sau đó anh N7 trả một số lần tiền như đã thống kê, các bên chốt nợ có chữ ký của người làm chứng anh NVM16 đến ngày 10/6/2017 còn 2.991.778.036 đồng là buộc phải trừ đi số tiền 2.000.000.000 đồng trả ngày 16/10/2014. Tại phiên tòa phúc thẩm ông H1 đã xuất trình bản gốc giấy xác nhận và lý giải tại sao đến ngày 16/10/2014 anh N7 còn nợ ông H1 số tiền 2.785.667.000 đồng. Như vậy, HĐXX xác định anh N7 đã trả ông H1 số tiền 2.000.000.000 đồng vào ngày 16/10/2014.

*Về số tiền 500.000.000 đồng anh N7 trả vào ngày 23/11/2015 và số tiền 296.758.334 đồng trả vào ngày 14/3/2015:* tại phiên tòa sau khi anh N7 xuất trình bản sao Chứng từ giao dịch về việc chuyển khoản 500.000.000 đồng và giải thích tại sao số tiền trả vào ngày 14/3/2015 là con số lẻ là do cách tính toán của các bên thì ông H1 không thắc mắc gì nữa. Do vậy, HĐXX xác định tính đến ngày 09/5/2018 anh N7 đã trả cho ông H1 tổng số tiền 4.952.758.334 đồng.

Từ phân tích nêu trên Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay tài sản giữa ông H1 và anh N7 là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có tính lãi. Hợp đồng vay tiền mặt giữa ông H1 và anh N7 được lập trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có

hiệu lực pháp luật nên sẽ được áp dụng pháp luật về cách tính lãi suất của Bộ luật dân sự năm 2005.

Xét yêu cầu kháng cáo của anh N7 về phần tính lãi, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về lãi suất như nhận định trên mặc dù phía bị đơn cho rằng trong số 4.000.000.000 đồng cho vay chỉ có số tiền 500.000.000 đồng có thỏa thuận lãi suất 2.5%/tháng nhưng các đương sự đã tính lãi thể hiện bằng cách tính toán trên các giấy chót nợ. Tuy nhiên, lãi suất các bên áp dụng là cao so với quy định của pháp luật, phía bị đơn chỉ chấp nhận tính lãi theo pháp luật đối với khoản tiền 500.000.000 đồng gốc, số tiền còn lại yêu cầu Hội đồng xét xử tính theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào lời khai các đương sự và tài liệu có trong hồ sơ thì lãi suất mà các bên áp dụng 2.5%/ tháng = 30% năm là quá cao so với quy định của pháp luật. Để đảm bảo đúng pháp luật và đảm bảo quyền lợi cho các đương sự, Hội đồng xét xử áp dụng mức lãi suất 13.5%/năm cho khoản vay 3.000.000.000 đồng đến ngày 31/3/2015. Từ ngày 01/4/2015 các bên thỏa thuận lãi suất 1% tháng không trái pháp luật nên áp dụng lãi suất này trên số nợ gốc 800.000.000 và 200.000.000 đồng và số tiền còn lại của khoản 3.000.000.000 đồng cho đến khi xét xử sơ thẩm, căn cứ quy định pháp luật thì số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn quy định được trừ vào số tiền gốc tại thời điểm trả lãi, số tiền lãi vượt quá còn lại sau khi trừ hết nợ gốc thì trả cho bên vay. Cụ thể:

Ngày giao dịch	Thời hạn	Số tiền vay	Số tiền trả	Lãi khoản vay	Thời hạn vay	số ngày vay	Số tiền trả lãi	Số tiền trả gốc	Gốc còn phải trả	Ghi chú
1	2	3	4	5=(9*10)/365*6		6=2-1	7=5	8=4-7	9	10
3/21/2012	11/21/2012	2,500,000,000		226,541,096		245			2,500,000,000	Lãi 13.5%/ năm
11/22/2012	5/3/2013			149,794,521		162				Lãi 13.5%/năm
5/3/2013			300,000,000				279,669,293	-	2,500,000,000	Lãi 13.5%/năm
5/4/2013	7/3/2013			55,479,452		60				
7/1/2013			515,000,000				152,145,776	362,854,224	2,137,145,776	
7/3/2013			185,000,000					185,000,000	1,952,145,776	
7/4/2013	9/14/2013			51,985,909		72				Lãi 13.5%/ năm
9/14/2013			190,000,000				51,985,909	138,014,090.58	1,814,131,685	
9/15/2013	11/20/2013			44,284,694		66				
11/20/2013			180,000,000				44,284,694	135,715,306	1,678,416,379	
11/21/2013	10/16/2014			204,237,982		329				
10/16/2014			2,000,000,000				204,237,982	1,678,416,379	0	
4/2/2012	11/21/2012	500,000,000		43,089,041	7 tháng 19 ngày	233				Lãi 13.5%/ năm
9/1/2012			226,000,000				43,089,041	182,910,959	317,089,041	Thanh toán gốc cho khoản 500tr
3/14/2013			296,758,334					296,758,334	20,330,707	
5/3/2013								20,330,707	0	
4/23/2012	không kì hạn	800,000,000							800,000,000	
4/14/2012	không kì hạn	200,000,000							200,000,000	
10/16/2014								117,345,639	882,654,361	
4/1/2015	6/19/2015			22,924,831		79				Lãi 12%/ năm
6/19/2015			100,000,000				22,924,831	77,075,169	805,579,192	
6/20/2015	8/31/2015			19,069,053		72				Lãi 12%/ năm
8/31/2015			130,000,000				19,069,053	110,930,947	694,648,245	
9/1/2015	11/23/2015			18,955,333		83				Lãi 12%/ năm
11/23/2015			500,000,000				18,955,333	481,044,667	213,603,578	
11/24/2015	11/9/2016			24,649,268		351				Lãi12%/ năm
11/9/2016			250,000,000				24,649,268	225,350,732	-11,747,155	
9/27/2017			30,000,000					30,000,000	-41,747,155	
5/9/2018			50,000,000					50,000,000	-91,747,155	
		4,000,000,000	4,952,758,334	861,011,179			861,011,179	4,091,747,155		

Vay	4,000,000,000
Lãi	861,011,179
trả	4,952,758,334
Trả thừa	91,747,155

- Sắp xếp theo thứ tự phát sinh khoản vay.
- Ưu tiên trả khoản vay 500tr trước.
- Ngày 3/5/2013 trả, trừ cho 2 khoản vay 2.5 tỉ và 500tr.
- Ngày 16/10/2014 trả, trừ cho 2 khoản vay 500tr và 800tr

Theo cách tính trên thì đến ngày 09/5/2018 tổng số tiền lãi mà anh N7 phải trả cho ông H1 là 861.011.179 đồng, tiền gốc là 4.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, anh N7 đã trả ông H1 tổng số tiền 4.952.758.334 đồng.

Như vậy, anh N7 đã thanh toán xong cho ông H1 số tiền gốc và lãi đã vay và đã trả thừa 91.747.155 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh N7 không yêu cầu ông H1 phải trả tiền đã thanh toán thừa, đây là sự tự nguyện phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp yêu cầu khởi kiện của ông HH1 buộc anh VVN7 phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông H1 theo giấy vay nợ 21/3/2012; theo cam kết vay nợ ngày 01/7/2015; tính lãi 1% của số nợ 3.271.973.677 đồng từ 30/4/2018 đến nay.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh VVN7 và sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận BD9 theo hướng xác nhận anh N7 đã trả trả ông H1 số tiền gốc và lãi đã vay; ghi nhận sự tự nguyện của anh N7 không yêu cầu ông H1 phải thanh toán số tiền đã trả còn dư. Không chấp nhận các ý kiến khác của đương sự.

Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Về án phí: Ông HH1 là người cao tuổi thuộc trường hợp miễn án phí theo quy định pháp luật. Do yêu cầu kháng cáo của anh N7 được chấp nhận nên anh N7 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điều 26; khoản 1 Điều 38; Điều 147, Điều 148; khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 162; Điều 471; Điều 474; Điều 476; Điều 477 Bộ luật dân sự 2005; Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;

Điều 9 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

1. Chấp nhận kháng cáo của anh VVN7.
2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 08/01/2021 của Tòa án nhân dân quận BD9, thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản của ông HH1 đối với anh VVN7.

Không chấp nhận yêu cầu của ông HH1 buộc anh VVN7 phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông HH1 theo giấy vay nợ ngày 21/3/2012; theo cam kết vay nợ ngày 01/7/2015; theo cam kết ngày 01/4/2018 và tính lãi 1% của số nợ 3.271.973.677 từ 30/4/2018 đến nay.

2.2. Xác nhận anh VVN7 đã thanh toán xong cho ông HH1 số tiền vay theo giấy tờ vay nợ và cam kết nêu trên.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh N7 không yêu cầu ông H1 phải thanh toán lại số tiền đã trả thừa là 91.747.155 (Chín mươi một triệu, bảy trăm bốn mươi bảy nghìn, một trăm lăm mươi lăm) đồng.

### 3. Về án phí:

- Ông HH1 được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.
- Hoàn trả cho anh VVN7 số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 006728 ngày 08/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận BD9, thành phố Hà Nội.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

### Nơi nhận:

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND quận BD9;
- Chi cục THADS quận BD9;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Lan Anh**